CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ꕥ

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG VAY TIỀN

Số: …/……./ ……..-…….

- Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/01/2015[1];

- Căn cứ nhu cầu hai bên;

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm …….., tại văn phòng trụ sở của Công ty ……., chúng tôi gồm có:

BÊN CHO VAY: CÔNG TY ……

Giấy phép kinh doanh: số …… do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố …….. cấp lần đầu ngày ……/……../…….

Địa chỉ: ……

Người đại diện theo pháp luật : …….. …… Chức danh: …….

***(Sau đây gọi là Bên A*)**

BÊN VAY: CÔNG TY ……

Giấy phép kinh doanh: số ……..do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố …….. cấp lần đầu ngày …../…../……

Địa chỉ: ……

Người đại diện theo pháp luật: …… Chức danh: ……

***(Sau đây gọi là Bên B*)**

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng vay tiền theo các điều khoản sau:

<u>Điều 1</u>: Số tiền cho vay - Mục đích sử dụng - Phương thức giải ngân

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền: …… VNĐ

(Bằng chữ: …….. đồng).

1.2. Mục đích cho vay: ……

1.3. Phương thức giải ngân:

- Giải ngân thành nhiều đợt hoặc một đợt.[2]
- Phương thức giải ngân: Chuyển khoản.

<u>Điều 2</u>: Thời hạn cho vay - Lãi suất cho vay - lãi suất nợ quá hạn

2.1. Thời hạn cho vay : ….. tháng kể từ ngày giải ngân hoặc nếu bên vay có nhu cầu vay tiếp thì hai bên ký Phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian vay.

---

[1] Trường hợp Nhà nước có sửa đổi, thay thế các văn bản pháp luật ghi tại phần căn cứ hợp đồng này thì sẽ ghi lại theo số, tên văn bản mới đã thay đổi.

[2] Được xác định cụ thể theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm ký Hợp Đồng.

2.2. Lãi suất cho vay : ……..%/năm.

2.3. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn.

<u>Điều 3</u>: Trả nợ gốc và lãi

3.1. Trả nợ gốc: nợ gốc được trả một lần hoặc nhiều lần nhưng không được chậm hơn thời hạn cho vay quy định tại Khoản 2.1 Điều 2, Bên vay được phép trả nợ trước hạn mà không phải chịu bất kỳ 1 khoản phạt trả trước nào.

3.2. Trả lãi vay: Lãi được tính bắt đầu từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân của Bên cho vay.

Tiền lãi vay trả vào cuối quý và được tính theo công thức sau:

Số tiền lãi phải trả = Dư nợ tính lãi x Lãi suất (%/năm) x Số ngày vay thực tế : 365 ngày.

Số ngày vay thực tế sẽ được tính từ ngày Bên vay nhận nợ với Bên cho vay.

3.3. Nợ gốc và lãi tiền vay được trả bằng đồng Việt Nam.

3.4. Trường hợp ngày phải trả nợ rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào mà Bên cho vay không làm việc thì ngày hôm sau sẽ là ngày đến hạn trả nợ và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả.

3.5. Hai bên có thể thực hiện bù trừ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đối với các giao dịch mua bán khác bao gồm mua bán cổ phần các doanh nghiệp, tài sản, hàng hoá trong danh mục kinh doanh của hai doanh nghiệp.

<u>Điều 4</u>: Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

4.1. Bên cho vay có quyền:

- Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính (nếu có);
- Từ chối những đề nghị rút vốn không hợp lệ và/hoặc Bên cho vay nhận thấy không phù hợp;
- Kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhằm đảm bảo an toàn vốn cho vay;
- Khi khoản vay đến hạn mà Bên vay không chủ động trả nợ thì Bên cho vay có quyền gửi văn bản đề nghị Bên vay trả nợ.
- Khởi kiện Bên vay vi phạm Hợp đồng vay tiền.

4.2. Bên cho vay có nghĩa vụ:

- Thực hiện đúng thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.
- Lưu trữ hồ sơ vay tiền phù hợp với quy định của pháp luật.

<u>Điều 5</u>: Quyền và nghĩa vụ của bên vay

5.1. Bên vay có quyền:

a. Từ chối các yêu cầu của Bên cho vay không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.

b. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng vay tiền theo quy định của pháp luật.

c. Trong trường hợp Bên vay đã trả một phần khoản vay cho Bên cho vay mà có nhu cầu vay lại thì Bên cho vay có thể giải ngân cho Bên vay để vay lại trong

thời hạn của hợp đồng hoặc các phục lục còn hiệu lực, nhưng đảm bảo tổng dư nợ không vượt quá số tiền quy định tại khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng này.

5.2. Bên vay có nghĩa vụ

a. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu có liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp.

b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.

c. Tạo điều kiện khi Bên cho vay cần kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay.

<u>Điều 6</u>: Xử lý vi phạm

6.1. Các vi phạm Hợp đồng vay tiền của một trong hai bên sẽ được xử lý theo quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

6.2. Hai bên có quyền khiếu nại, khởi tố, yêu cầu xét xử khi có tranh chấp về việc thực hiện Hợp đồng vay tiền tại Toà án có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

<u>Điều 7</u>: Điều khoản thi hành

7.1. Hợp đồng vay tiền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ vay (nợ gốc, lãi) và các chi phí có liên quan cho Bên cho vay. Khi Bên vay trả hết nợ vay thì Hợp đồng vay tiền mặc nhiên được thanh lý.

7.2. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng vay tiền phải được các bên thoả thuận thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Hợp đồng vay tiền này được lập thành 02 (*hai*) bản có giá trị ngang nhau. Bên vay giữ 01 (*một*) bản, Bên cho vay giữ 01 (*một*) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**